

HƯỚNG DẪN TẠM THỜI
Tuân thủ Quy định về quản lý việc nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm
hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh châu Âu
(EUDR) cho ngành hàng cao su
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTTV ngày tháng năm 2026
của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Mục đích

Hướng dẫn này nhằm cung cấp thông tin cho các chủ thể tham gia chuỗi cung ứng các mặt hàng cao su tại Việt Nam để thực hiện các hoạt động nhằm tuân thủ đầy đủ với các yêu cầu của EUDR khi cung cấp sản phẩm của mình để xuất khẩu vào thị trường EU.

1.2. Cơ sở pháp lý

- Hội đồng liên minh châu Âu ban hành các Quy định (EU) 2023/1115 ngày 31/5/2023 về sản phẩm không gây mất rừng và suy thoái rừng (EUDR); Quy định (EU) 2024/3234 ngày 19/12/2024 sửa đổi Quy định (EU) 2023/1115 liên quan đến thời điểm áp dụng; Quy định (EU) 2025/2650 ngày 19/12/2025 sửa đổi Quy định (EU) 2023/1115 liên quan đến thời điểm áp dụng và một số nghĩa vụ của nhà vận hành, nhà vận hành hạ nguồn và thương nhân;
- Ủy ban châu Âu ban hành các Quy định thực thi (EU) 2024/3084 ngày 04/12/2024 về hệ thống thông tin EUDR; Quy định thực thi (EU) 2025/1093 ngày 22/5/2025 về phân loại rủi ro quốc gia theo EUDR;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội; Văn bản hợp nhất Luật lâm nghiệp số 68/VBHN-VPQH ngày 24/3/2026 của Quốc hội sửa đổi bổ sung Luật lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội, Văn bản hợp nhất Luật Trồng trọt số 93/VBHN-VPQH ngày 31/3/2026 sửa đổi bổ sung Luật Trồng trọt và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024;
- Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;
- Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Bộ Công thương và các cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch hành động thích ứng với EUDR;

- Quyết định số 2855/QĐ-BNN-KHCN ngày 17/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố việc xác định cây cao su là cây đa mục đích;
- Quyết định số 1235/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Thành lập Nhóm công tác chung điều phối các hành động thích ứng với Quy định về quản lý việc nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh Châu Âu;
- Quyết định số 4316/QĐ-BNNMT ngày 20/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc kiện toàn lập Nhóm công tác chung điều phối các hành động thích ứng với Quy định về quản lý việc nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR);
- Quyết định số 58/QĐ-BNNMT ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Quyết định số 2655/QĐ-BNNMT ngày 11/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ chuyên môn mở mới năm 2026;
- Công điện số 17/CD-TTg ngày 20/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tích cực, chủ động triển khai các giải pháp thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, sản xuất và tiêu dùng bền vững, thương mại bền vững đáp ứng chính sách xanh của Liên minh Châu Âu;
- Công văn số 5179/BNN-HTQT ngày 01/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai Khung Kế hoạch hành động thích ứng với EUDR của Việt Nam;
- Căn cứ Công văn số 217/HTQT ngày 06/2/2026 và Phiếu trình số 1139/PTr-HTQT ngày 16/9/2025 của Vụ Hợp tác quốc tế về việc thông báo ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ đối với việc triển khai các hoạt động thích ứng với EUDR và kiện toàn Nhóm công tác chung.

1.3. Phạm vi, đối tượng và nội dung hướng dẫn

1.3.1. Phạm vi áp dụng

Hướng dẫn áp dụng đối với các mặt hàng cao su, bao gồm mủ cao su và các sản phẩm cao su sản xuất từ mủ cao su, được nêu trong Phụ lục I của EUDR, được sản xuất tại Việt Nam và được nhập khẩu vào Việt Nam, sau đó xuất khẩu sang thị trường EU. Phụ lục I cung cấp danh mục các mặt hàng cao su cụ thể chịu sự điều chỉnh của EUDR.

1.3.2. Đối tượng của Hướng dẫn

Đối tượng của Hướng dẫn bao gồm các chủ thể trong chuỗi cung ứng mủ cao su và sản phẩm chế biến từ mủ cao su. Các chủ thể này là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp trực tiếp tham gia vào các hoạt động trong chuỗi cung ứng tại Việt Nam, bao gồm sản xuất, thương mại, nhập khẩu vào Việt Nam, chế biến và xuất khẩu sang thị trường EU.

1.3.3. Nội dung của Hướng dẫn

Hướng dẫn này cung cấp thông tin tổng hợp về các yêu cầu cốt lõi của EUDR, trách nhiệm và các nội dung mà mỗi nhóm chủ thể trong chuỗi cung ứng cần thực hiện, làm căn cứ đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên toàn bộ chuỗi cung ứng và chứng minh các chủ thể tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của EUDR.

1.4. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong Hướng dẫn này được hiểu như sau:

Chuỗi cung ứng ngành cao su: bao gồm các bước và hoạt động liên quan đến trồng cây cao su, khai thác mủ cao su, chế biến, phân phối và tiêu thụ sản phẩm chế biến từ mủ cao su.

Quyền sử dụng đất hợp pháp: là quyền mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để trồng cao su theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nhà nước trao và bảo vệ các quyền này cho tổ chức và hộ, với các bằng chứng pháp lý như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ); hợp đồng thuê, khoán đất; hoặc các văn bản khác do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận.

Rừng: theo EUDR, rừng là diện tích đất có quy mô lớn hơn 0,5 ha, với cây có chiều cao trên 5 mét và tỷ lệ che phủ trên 10% (hoặc có các cây có khả năng đạt được các ngưỡng về chiều cao và tỷ lệ che phủ nêu trên một cách tự nhiên), ngoại trừ diện tích đất được sử dụng chủ yếu cho mục đích nông nghiệp hoặc đô thị¹.

Mất rừng: theo EUDR, mất rừng là tình trạng rừng bị chuyển đổi sang mục đích sử dụng nông nghiệp hoặc mục đích khác, bao gồm cả chuyển đổi hợp pháp và bất hợp pháp, sau thời điểm ngày 31/12/2020².

Suy thoái rừng: là tình trạng rừng tự nhiên bị chuyển đổi sang trồng cao su; hoặc tình trạng trồng cao su làm suy giảm chất lượng rừng tự nhiên (như giảm số lượng cây rừng, mất hoặc giảm đa dạng sinh học), bao gồm cả hợp pháp và bất hợp pháp, sau thời điểm ngày 31/12/2020.

Sản xuất hợp pháp: là việc sản xuất ra mủ cao su từ các lô cao su phù hợp với pháp luật của quốc gia sản xuất, bao gồm các quy định pháp lý liên quan đến quyền sử dụng đất, bảo vệ môi trường, quyền của bên thứ ba, quyền lao động, nghĩa vụ thuế, thương mại và hải quan,...

Truy xuất nguồn gốc: là khả năng xác định và theo dõi sản phẩm qua từng công đoạn trong toàn bộ chuỗi cung ứng từ khâu sản xuất đầu chuỗi (lô cao su) tới khâu tiêu thụ sản phẩm.

Các mặt hàng cao su: bao gồm mủ cao su, sản phẩm sơ chế và sản phẩm hoàn chỉnh chế biến từ mủ cao su.

¹ Theo Điều 2 (4) Quy định EUDR, **rừng** được định nghĩa dựa theo tiêu chuẩn của FAO.

² Điều 2 (2) Quy định EUDR.

Tuân thủ EUDR: là việc các mặt hàng cao su đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của EUDR về không gây mất rừng và suy thoái rừng, sản xuất hợp pháp, truy xuất nguồn gốc và thực hiện thẩm định chuỗi cung ứng. Việc xác nhận “tuân thủ EUDR” cho một lô sản phẩm cao su xuất khẩu vào thị trường EU thuộc thẩm quyền của Cơ quan thẩm quyền của EU.

Cơ quan thẩm quyền của EU: là cơ quan quản lý do từng quốc gia thành viên EU chỉ định, chịu trách nhiệm thực thi và giám sát việc tuân thủ EUDR tại EU.

Mủ cao su: là mủ tự nhiên, còn gọi là cao su thiên nhiên, được thu trực tiếp từ cây cao su, ở dạng mủ nước hoặc mủ đông, được dùng làm nguyên liệu để sản xuất sản phẩm sơ chế. Mủ cao su còn được gọi là mủ nguyên liệu.

Sản phẩm cao su: bao gồm sản phẩm sơ chế và sản phẩm hoàn chỉnh chế biến từ mủ cao su.

Sản phẩm sơ chế: là các sản phẩm như cao su tờ xông khói, cao su ly tâm, cao su khối, ... được chế biến từ mủ cao su thành cao su nguyên liệu.

Sản phẩm hoàn chỉnh: là các sản phẩm cuối cùng được sản xuất từ mủ cao su thiên nhiên, như lốp xe, nệm, bóng, găng tay, ...

Đánh giá rủi ro: là các hoạt động nhằm nhận diện rủi ro, phân tích rủi ro và xác định mức rủi ro trong các hoạt động của chuỗi cung ứng các mặt hàng cao su xuất khẩu vào thị trường EU, về nguy cơ không tuân thủ các yêu cầu của EUDR, bao gồm các rủi ro liên quan đến mất rừng, suy thoái rừng, vi phạm pháp luật quốc gia sản xuất, trộn lẫn nguyên liệu không rõ hoặc không truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.

Giảm thiểu rủi ro: là các quy trình và biện pháp nhằm làm giảm khả năng các sản phẩm cao su không tuân thủ quy định EUDR được xuất khẩu vào EU.

Thẩm định chuỗi cung ứng: là việc kiểm tra, đánh giá các thông tin, bằng chứng về các hoạt động của chuỗi cung ứng, đánh giá rủi ro về độ chính xác, trung thực và đầy đủ thông tin trong việc đáp ứng với các yêu cầu của EUDR và các biện pháp và hoạt động nhằm giảm thiểu rủi ro trong việc không tuân thủ EUDR.

Tọa độ địa lý: là vị trí địa lý của lô cao su được xác định bởi điểm tọa độ (coordinates) được tạo bởi vĩ độ (Bắc - Nam) và kinh độ (Đông - Tây). Kinh độ và vĩ độ của mỗi điểm tọa độ cần cung cấp phải được thể hiện bằng đơn vị độ thập phân, với dãy số có tối thiểu 06 (sáu) chữ số thập phân, sử dụng Hệ tọa độ trắc địa toàn cầu WGS 84 (World Geodetic System 1984). Với lô cao su có diện tích trồng cao su lớn hơn 4 (bốn) ha thì phải lấy tọa độ của tất cả các điểm khép góc tạo nên ranh giới của lô cao su. Với lô có diện tích trồng cao su từ 4 (bốn) ha trở xuống thì lấy 1 (một) điểm tọa độ.

Điểm khép góc: là điểm nằm tại vị trí giao nhau giữa hai cạnh liên tiếp trên ranh giới của lô cao su. Các điểm khép góc của một lô cao su khi nối lại với nhau hình thành ranh giới của lô đất hay còn gọi là đa giác khép kín (polygon).

Thương mại: là hoạt động mua, bán, nhập khẩu, xuất khẩu các mặt hàng cao su.

Giao dịch: là hoạt động mua – bán mủ cao su và/hoặc các sản phẩm cao su giữa bên bán và bên mua

Rủi ro không đáng kể: là tình trạng không còn nghi ngờ một sản phẩm cao su vi phạm quy định về không gây mất rừng và suy thoái rừng, vi phạm pháp luật Việt Nam, bị trộn lẫn nguyên liệu không rõ nguồn gốc, hoặc không truy xuất được nguồn gốc đến từng lô cao su,... sau khi chủ thể liên quan đã đánh giá rủi ro một cách đầy đủ, và đã áp dụng hoặc đưa ra biện pháp giảm thiểu rủi ro với các trường hợp cần thiết.

Thông tin định danh: là tập hợp thông tin hoặc mã số giúp xác định một cá nhân hay doanh nghiệp tham gia hoạt động cụ thể trong chuỗi cung ứng. Thông tin định danh bao gồm tên, số căn cước, mã số doanh nghiệp, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ, phương thức liên lạc (email, điện thoại).

Thông tin, bằng chứng liên quan: là các tài liệu, giấy tờ, chứng nhận, ảnh vệ tinh, bản đồ số,... do chủ thể trong chuỗi cung ứng tập hợp hoặc lập, hoặc do cơ quan có thẩm quyền cấp, có chứa các thông tin chứng minh mặt hàng cao su và chủ thể liên quan đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của EUDR.

II. CÁC YÊU CẦU CỐT LÕI CỦA EUDR

2.1. Sản xuất hợp pháp

Sản xuất hợp pháp theo EUDR, là yêu cầu áp dụng với khu vực sản xuất (tức các lô cao su). Các hoạt động sản xuất mủ cao su từ các lô cao su, dùng để tạo ra các sản phẩm cao su xuất khẩu vào thị trường EU, phải tuân thủ đầy đủ với các quy định của pháp luật hiện hành của quốc gia sản xuất. Các quy định bao gồm: quyền sử dụng đất, bảo vệ môi trường, quyền của bên thứ ba, quyền lao động; đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được thông báo trước và cung cấp thông tin đầy đủ (FPIC) và các quy định về thuế, thương mại, hải quan,...

2.2. Không gây mất rừng và suy thoái rừng

Các sản phẩm cao su từ Việt Nam nhập khẩu vào thị trường EU phải được chứng minh quá trình sản xuất không gây mất rừng và suy thoái rừng (sau đây gọi tắt là gây mất rừng) sau ngày 31/12/2020. Để chứng minh không gây mất rừng, thông tin về vị trí địa lý của lô cao su nơi khai thác mủ phải được cung cấp cho nhà nhập khẩu sản phẩm cao su vào EU. Các lô cao su có diện tích từ 4 (bốn) ha trở xuống có thể lấy 1 (một) điểm tọa độ; lô cao su có diện tích trên 4 ha phải lấy tất cả các tọa độ điểm khép góc tạo nên hình đa giác (polygon) là ranh giới của lô cao su. Kinh độ và vĩ độ của mỗi điểm tọa độ (coordinates) cần cung cấp phải được thể hiện bằng đơn vị độ thập phân, với dãy số có tối thiểu 6 (sáu) chữ số thập phân, sử dụng Hệ tọa độ trắc địa toàn cầu WGS 84. Thông tin về vị trí địa lý các lô cao su sẽ được đối chiếu với bản đồ rừng tại thời điểm ngày 31/12/2020 nhằm xác định lô đất trồng cao su có gây mất rừng sau mốc thời gian này hay không. Các chủ thể liên quan được khuyến khích sử dụng Bản đồ hiện trạng rừng

quốc gia của Việt Nam thời điểm ngày 31/12/2020, bên cạnh các nguồn mở khác như cơ sở dữ liệu về rừng của Cơ quan nghiên cứu chung của EU (JRC) hay các bản đồ, ảnh vệ tinh khác cùng mốc thời gian, để xác định có tình trạng gây mất rừng hay không.

2.3. Thực hiện thẩm định chuỗi cung ứng

Doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm cao su vào thị trường EU có trách nhiệm xây dựng và nộp Tuyên bố thẩm định chuỗi cung ứng (Due Diligence Statement - DDS), hoặc Khai báo giản lược (Simplified Declaration - SD) (sau đây gọi chung là Tuyên bố thẩm định DDS) về chuỗi cung ứng của mình cho Cơ quan thẩm quyền của EU. Tuyên bố thẩm định cần được nộp cho Cơ quan thẩm quyền của EU trước khi sản phẩm cao su được nhập khẩu vào EU.

Việc xây dựng và nộp Tuyên bố thẩm định không phải là nghĩa vụ hay trách nhiệm của các chủ thể hay nhà cung cấp tại Việt Nam, mà của doanh nghiệp hay nhà nhập khẩu EU. Tuy nhiên các chủ thể tham gia trong chuỗi cung tại Việt Nam cần thu thập đầy đủ thông tin và bằng chứng minh chứng cho sự tuân thủ của mình và chuyển lại các thông tin và bằng chứng này cho bên mua hàng của mình, hỗ trợ họ xây dựng và hoàn thiện Tuyên bố thẩm định theo yêu cầu của EUDR.

Tuyên bố thẩm định là bằng chứng pháp lý về trách nhiệm và cam kết của doanh nghiệp nhập khẩu EU về việc đảm bảo tuân thủ đầy đủ với EUDR.

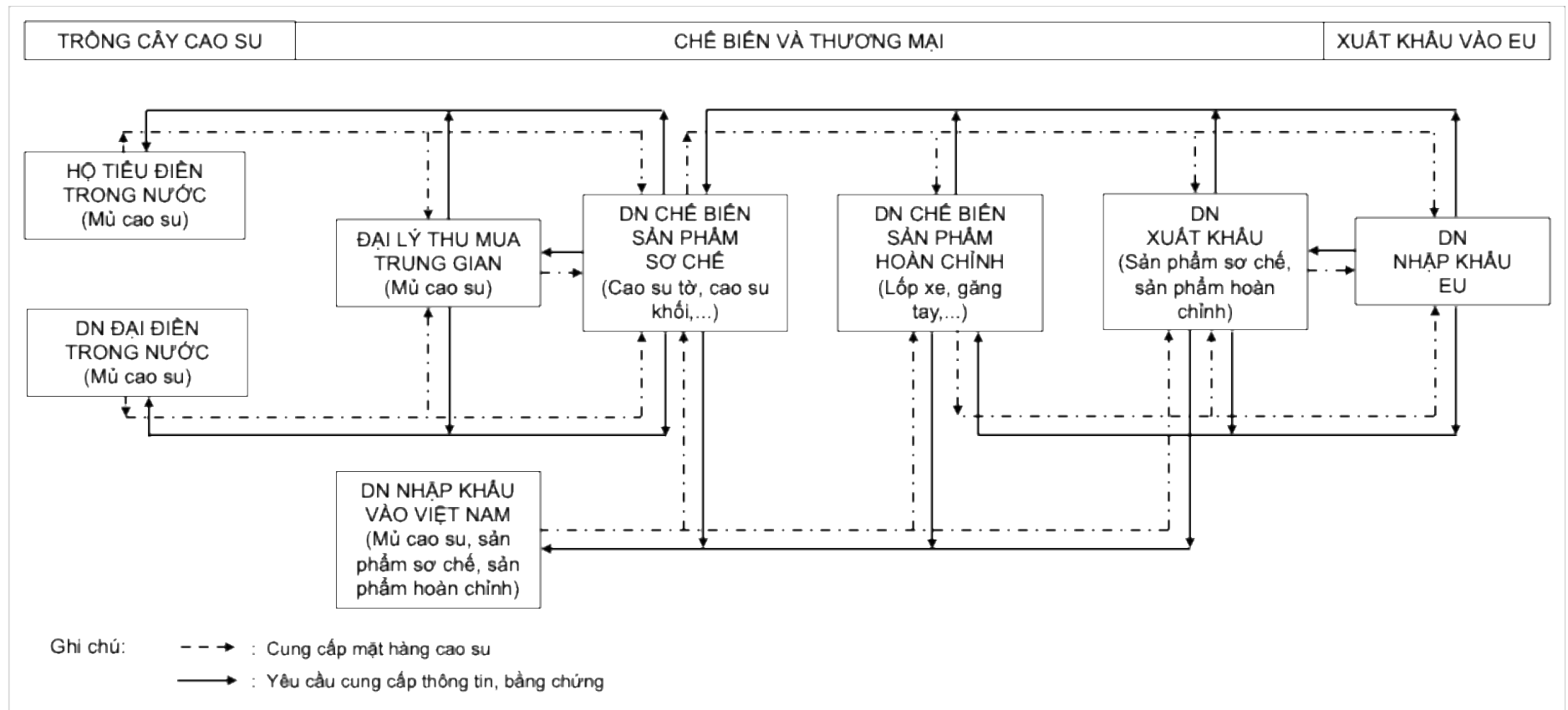
2.4. Yêu cầu về cung cấp thông tin và truy xuất nguồn gốc

Các thông tin và bằng chứng, sau đây gọi chung là “thông tin”, liên quan về hoạt động tại mỗi khâu của chuỗi cung ứng phải được các chủ thể tại mỗi khâu này thu thập và cung cấp cho chủ thể tiếp theo trong chuỗi. Thông tin phục vụ việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm đến từng lô cao su – nơi cung ứng mủ nguyên liệu để sản xuất sản phẩm - phải được chuyển giao cho chủ thể ở khâu tiếp theo. Thông tin về đầu ra của chủ thể này là nguồn thông tin đầu vào của chủ thể kế tiếp trong chuỗi. Thông tin đầu vào này bao gồm tất cả các thông tin của tất cả các khâu trước đó. Cuối cùng, thông tin liên quan từ tất cả các khâu trong chuỗi phải được tập hợp và chuyển cho doanh nghiệp nhập khẩu EU, làm cơ sở để thực hiện truy xuất và xây dựng Tuyên bố thẩm định chuỗi cung ứng. Thông tin thu thập được trong tất cả chuỗi cung phải cho phép thực hiện truy xuất nguồn gốc trên toàn chuỗi và tới từng lô cao su nơi mủ được khai thác.

III. CÁC YÊU CẦU VỀ THÔNG TIN VÀ BẰNG CHỨNG ĐẢM BẢO TUÂN THỦ EUDR ĐỐI VỚI CÁC CHỦ THỂ TRONG CHUỖI CUNG ỨNG

Hình 1 cung cấp sơ đồ khái quát các chủ thể trong chuỗi cung ứng các mặt hàng cao su từ Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU.

Hình 1: Sơ đồ khái quát chuỗi cung ứng các mặt hàng cao su từ Việt Nam xuất khẩu sang EU và các chủ thể liên quan



3.1. Các thông tin và bằng chứng các chủ thể phải thu thập, lưu trữ

Trong các thông tin phải thu thập, lưu trữ và cung cấp nhằm chứng minh tuân thủ EUDR về đảm bảo hợp pháp, không gây mất rừng và truy xuất nguồn gốc, có một số thông tin một chủ thể hay doanh nghiệp không bắt buộc phải cung cấp hay chuyển cho bên mua, hay chủ thể tiếp theo của chuỗi theo từng lô hàng giao dịch. Doanh nghiệp chỉ cần **thu thập** và **lưu trữ** chúng phục vụ hoạt động kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của các cơ quan quản lý trong nước liên quan; và chỉ cung cấp cho chủ thể liên quan trong chuỗi cung ứng khi họ có nghi ngờ về rủi ro **không tuân thủ EUDR** và yêu cầu cung cấp. Các thông tin không bắt buộc phải cung cấp này chủ yếu liên quan đến đáp ứng yêu cầu của EUDR về đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật của quốc gia sản xuất. Cụ thể, các loại giấy tờ/chứng nhận dưới đây doanh nghiệp không bắt buộc phải chuyển giao cho bên mua sản phẩm của mình (tức chủ thể tiếp theo của chuỗi):

- (1) Bản hợp đồng mua bán đầu vào giữa doanh nghiệp và bên cung ứng đầu vào cho doanh nghiệp;
- (2) Hóa đơn bên cung ứng đầu vào xuất cho doanh nghiệp;
- (3) Bằng chứng giao dịch ngân hàng liên quan đến đầu vào của doanh nghiệp;
- (4) Báo cáo thuế, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán;
- (5) Bản hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp và người lao động;
- (6) Hồ sơ đóng bảo hiểm cho người lao động;
- (7) Chứng nhận vệ sinh an toàn lao động, bảo vệ môi trường;
- (8) Các sổ sách, biểu mẫu (lưu hành nội bộ) ghi chép thông tin về hoạt động sản xuất của dây chuyền sản xuất như lệnh sản xuất, phiếu cân xe, sổ kho, phiếu xuất kho,...

Thời gian lưu trữ những thông tin thuộc nhóm không bắt buộc phải cung cấp theo lô hàng này tuân thủ theo pháp luật liên quan của quốc gia sản xuất.

Nhìn chung, các chủ thể trong chuỗi cần chủ động tìm hiểu và cập nhật về quy định pháp luật Việt Nam mà hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình phải tuân thủ. Đồng thời, mỗi chủ thể cần thu thập và lưu trữ thông tin liên quan, làm cơ sở để cung cấp cho cơ quan chức năng hay giải trình khi cần thiết.

3.2. Các thông tin và bằng chứng các chủ thể phải thu thập, lưu trữ và cung cấp

Bên cạnh những thông tin chỉ cần thu thập và lưu trữ nêu trên, EUDR quy định một số thông tin phải **thu thập, lưu trữ** và **cung cấp**, hay chuyển giao trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Phần này cung cấp hướng dẫn về các thông tin mỗi chủ thể trong chuỗi cung ứng cần thu thập, lưu trữ và cung cấp cho bên mua sản phẩm của mình.

3.2.1. Chủ lô cao su

Chủ lô cao su trong nước bao gồm hộ gia đình, cá nhân (còn gọi là chủ lô cao su tiểu điền) và doanh nghiệp (còn gọi là chủ lô cao su đại điền) đang trực tiếp thực hiện các hoạt động thu hoạch (hay cạo) mủ và giao dịch mủ, sở hữu một trong các loại giấy tờ chứng minh các quyền sử dụng đất hợp pháp của chủ lô như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ), Hợp đồng giao khoán đất, Hợp đồng thuê đất, hoặc các giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của Luật Đất đai Việt Nam,

Chủ lô cao su khai thác mủ trong nước là nguồn cung cấp cao su nguyên liệu đầu vào cho chủ thể tiếp theo trong chuỗi cung ứng, chịu trách nhiệm **đầu chuỗi** về thông tin đảm bảo nguồn mủ cao su chủ lô cung cấp được sản xuất hợp pháp và không gây mất rừng theo quy định của EUDR.

Những thông tin như: thông tin định danh chủ lô cao su; giấy tờ thể hiện quyền sử dụng đất hợp pháp của chủ lô cao su; ranh giới và tọa độ địa lý của từng lô cao su nơi mủ được khai thác; chủng loại (mủ nước, mủ đông, mủ tạp/mủ phụ), chất lượng (hàm lượng mủ DRC hay TSC) và trọng lượng mủ (kg) được khai thác và giao dịch từ mỗi lô cao su; ngày khai thác và giao dịch phải được thu thập và cung cấp cho bên mua mủ - là chủ thể tiếp theo của chuỗi cung.

Chủ lô cao su được khuyến khích sử dụng các thông tin cần thu thập và cung cấp (ví dụ: tọa độ địa lý lô cao su) từ các nguồn có sẵn có độ tin cậy và được cho phép sử dụng. Trong trường hợp thông tin cần thu thập có sẵn từ nhiều nguồn khác nhau thì chủ lô cao su và bên mua mủ cùng đánh giá và lựa chọn một nguồn có độ tin cậy cao nhất và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Với những thông tin chưa có sẵn, phải thu thập nhưng nằm ngoài khả năng tự thu thập của chủ lô cao su, chủ lô cao su có thể phối hợp hoặc ủy quyền cho bên thứ ba (là bên mua mủ hoặc đơn vị hỗ trợ khác) thu thập và cung cấp cho mình.

Trong trường hợp có biến động về diện tích hay thay đổi chủ sử dụng đất đối với lô cao su,... chủ lô cao su cần thu thập các thông tin biến động tương ứng và cung cấp ngay cho các chủ thể liên quan để họ cập nhật hồ sơ.

Chủ lô cao su cần phối hợp với bên mua mủ có yêu cầu mủ họ mua phải tuân thủ EUDR thực hiện đánh giá sơ bộ về khả năng tuân thủ EUDR của các lô cao su của mình (*Mẫu phiếu Đánh giá khả năng tuân thủ EUDR đối với lô cao su theo Mẫu biểu 02, Phụ lục 2*).

Với những lô được đánh giá ban đầu có rủi ro chưa tuân thủ các yêu cầu của EUDR, ví dụ như thiếu các bằng chứng pháp lý về đất đai, có thể đang sử dụng đất sai mục đích hoặc trồng cao su trên đất chuyển đổi từ rừng tự nhiên từ sau ngày 31/12/2020,... thì chủ lô cao su phải cung cấp thông tin hoặc giải trình bổ sung để chứng minh lô cao su đáp ứng các yêu cầu của EUDR. Chỉ khi bên mua đồng ý rằng các thông tin hay giải trình bổ sung đưa đến kết luận lô cao su không còn rủi ro hoặc rủi ro không tuân thủ EUDR ở mức không đáng kể, thì lô cao su đó mới được coi là tuân thủ EUDR.

Trong trường hợp có lô cao su không tuân thủ EUDR, dù chủ lô đã cung cấp bằng chứng hoặc giải trình bổ sung, chủ lô cao su phải tách riêng lượng mủ thu từ lô này (tức tách vật lý) với mủ thu từ các lô tuân thủ EUDR khác của mình, và loại bỏ mủ cao su khai thác từ lô không tuân thủ EUDR này ra khỏi lượng cung cho bên mua yêu cầu mủ họ mua phải tuân thủ EUDR. Chủ lô cao su nên sử dụng dụng cụ chứa mủ có gắn nhãn “**Tuân thủ EUDR**” cho lượng mủ thu từ các lô tuân thủ EUDR, nhằm hạn chế việc nhầm lẫn với mủ không tuân thủ EUDR trong quá trình thu hoạch, lưu trữ, vận chuyển và giao dịch.

Trong trường hợp mủ từ các lô cao su tuân thủ và không tuân thủ EUDR bị trộn lẫn và chứa chung trong một dụng cụ chứa, thì chủ lô cao su phải loại bỏ toàn bộ lượng mủ này khỏi chuỗi cung có yêu cầu tuân thủ EUDR.

Bảng 1 tổng hợp các yêu cầu về thông tin đảm bảo tuân thủ EUDR áp dụng cho chủ lô cao su.

Bảng 1: Các thông tin đảm bảo tuân thủ EUDR từ chủ lô cao su

Nhóm thông tin	Thông tin cụ thể	Ghi chú
a. Thông tin định danh của chủ lô cao su	- Chủ lô là hộ gia đình, cá nhân: Họ và tên, số thẻ căn cước, địa chỉ, phương thức liên lạc (email, điện thoại). - Chủ lô là doanh nghiệp: Số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, người đại diện pháp luật, địa chỉ, phương thức liên lạc (email, điện thoại).	Sử dụng Mẫu biểu 03 trong Phụ lục 2 để cung cấp thông tin định danh của chủ lô.
b. Quyền sử dụng đất hợp pháp đối với từng lô cao su tuân thủ EUDR nơi khai thác mủ	Một trong các giấy tờ như GCN QSDĐ; Quyết định giao đất; Hợp đồng thuê, khoán; Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;...	Có thể lưu trữ bản sao của giấy tờ, hoặc lưu lại các thông tin trên giấy tờ như tên giấy tờ, số hiệu của giấy tờ, tên người được cấp, địa chỉ, diện tích, loại đất, số lô/khoảnh, số tờ bản đồ, ngày ban hành/cấp.
c. Vị trí địa lý của từng lô cao su tuân thủ EUDR nơi khai thác mủ	- 01 (một) điểm tọa độ đối với lô cao su có diện tích từ 4 (bốn) ha trở xuống. - Tọa độ các điểm khếp góc đối với lô cao su có diện tích trên 4 (bốn) ha.	Sử dụng Mẫu biểu 04 trong Phụ lục 2 để thu thập tọa độ địa lý lô cao su.

d. Thông tin về cây cao su trên từng lô cao su tuân thủ EUDR nơi khai thác mỏ	Diện tích trồng cây cao su, số cây, sản lượng mỏ dự kiến theo năm khai thác.	Sử dụng Mẫu biểu 04 trong Phụ lục 2 để thu thập thông tin lô cao su.
đ. Thông tin về khai thác mỏ cao su trên từng lô cao su tuân thủ EUDR	Ngày khai thác, chủng loại mỏ (nước, đông), chất lượng mỏ (hàm lượng DRC hoặc TSC), trọng lượng mỏ theo từng lô cao su.	Sử dụng Mẫu biểu 05 trong Phụ lục 2 để thu thập thông tin về lượng mỏ khai thác.
e. Thông tin về giao dịch mua - bán mỏ cao su tuân thủ EUDR giữa chủ lô và bên mua	Thông tin định danh của bên mua.	Sử dụng Mẫu biểu 03 trong Phụ lục 2 để thu thập thông tin định danh của bên mua.
	Bảng kê tổng hợp về lượng mỏ giao dịch: ngày giao dịch; tên các bên giao dịch; chủng loại, chất lượng và trọng lượng mỏ giao dịch.	Sử dụng Mẫu biểu 06 trong Phụ lục 2 để thu thập thông tin giao dịch mỏ.

3.2.2. Đại lý thu mua mỏ cao su

Đại lý thu mua mỏ cao su bao gồm hộ kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh mỏ cao su trong nước (sau đây gọi chung đại lý), là mắt xích trung gian trong chuỗi cung ứng. Đại lý thu gom mỏ cao su nguyên liệu từ các chủ lô cao su, hoặc từ các đại lý khác và bán cho bên mua (là đại lý khác hoặc doanh nghiệp chế biến).

Khi thu mua mỏ cao su từ một bên bán (hay nhà cung cấp), đại lý phải yêu cầu các bên bán cung cấp (các) bộ hồ sơ liên quan đến lượng mỏ họ cung cấp, và tiến hành đánh giá các hồ sơ và lượng mỏ này về khả năng tuân thủ EUDR. Trong trường hợp nhận thấy hồ sơ và mỏ có dấu hiệu rủi ro không tuân thủ EUDR (ví dụ như: rủi ro trộn lẫn, hoặc hồ sơ không thể hiện rõ theo từng nguồn cung mỏ đầu vào theo lô cao su của bên bán,...) thì đại lý phải yêu cầu bên bán giải trình hoặc bổ sung thêm thông tin, hoặc đưa ra biện pháp nhằm chứng minh và đảm bảo các rủi ro không (còn) tồn tại hoặc tồn tại ở mức “rủi ro không đáng kể” Chỉ khi đại lý khẳng định lượng mỏ bên bán cung cấp không tồn tại rủi ro không tuân thủ EUDR hoặc ở tình trạng “rủi ro không đáng kể” đại lý mới thu mua lượng mỏ này để bán cho bên mua có yêu cầu lượng mỏ họ mua phải tuân thủ EUDR (*Mẫu phiếu Đánh giá khả năng tuân thủ EUDR đối với bên bán, hay nhà cung theo Mẫu biểu 07 trong Phụ lục 2*).

Trong trường hợp các rủi ro không tuân thủ EUDR vẫn tồn tại, dù bên bán đã cung cấp thêm thông tin, giải trình bổ sung và đưa ra biện pháp giảm thiểu rủi ro, đại lý phải lưu trữ riêng lượng mỏ không tuân thủ EUDR này với lượng mỏ tuân thủ EUDR (tức tách vật lý) trong các thùng hay bể chứa khác nhau, và không

cung cấp lượng mủ không tuân thủ EUDR này cho bên mua có yêu cầu lượng mủ họ mua phải là mủ tuân thủ EUDR.

Trong trường hợp đại lý đã mua mủ của bên bán và không thể tách riêng lượng mủ không tuân thủ EUDR với lượng tuân thủ EUDR của nguồn này, thì đại lý phải loại bỏ toàn bộ lượng mủ đã mua này khỏi chuỗi cung cho bên mua có yêu cầu phải tuân thủ EUDR.

Các thùng hay bể chứa, hay phương tiện vận chuyển của đại lý dùng cho mủ tuân thủ EUDR nên gắn nhãn “**Tuân thủ EUDR**” để tránh nhầm lẫn trong quá trình thu mua, vận chuyển và giao dịch.

Đại lý và bên cung cấp mủ đầu vào cho mình phải thường xuyên theo dõi, nhận diện rủi ro về các hoạt động sản xuất gây mất rừng và không tuân thủ pháp luật trong quá trình trồng, khai thác và cung ứng mủ. Khi phát hiện bất kỳ rủi ro không tuân thủ EUDR nào, hai bên cần kịp thời thông tin cho nhau và cùng thảo luận để đưa ra các biện pháp nhằm loại bỏ hoặc đưa các rủi ro này về mức rủi ro không đáng kể.

Đại lý cần cung cấp thông tin về định danh và hoạt động kinh doanh của mình (như đăng ký kinh doanh, mã số thuế, thông tin mua – bán mủ cao su), cùng các bộ hồ sơ bên bán cung cấp cho đại lý, cho bên mua của mình - là chủ thể của khâu tiếp theo trong chuỗi.

Bảng 2 tổng hợp các yêu cầu về thông tin đảm bảo tuân thủ EUDR đối với đại lý thu mua mủ cao su.

Bảng 2: Các thông tin đảm bảo tuân thủ EUDR từ đại lý

Nhóm thông tin	Thông tin cụ thể	Ghi chú
a. Thông tin định danh của đại lý	- Hộ kinh doanh: Họ và tên, số thẻ căn cước, mã số thuế, địa chỉ, phương thức liên lạc (email, điện thoại). - Doanh nghiệp kinh doanh: Số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, người đại diện pháp luật, địa chỉ, phương thức liên lạc (email, điện thoại).	Sử dụng Mẫu biểu 03 trong Phụ lục 2 để cung cấp thông tin định danh của đại lý.
b. Hồ sơ về nguồn mủ nguyên liệu đầu vào tuân thủ EUDR	- Trường hợp đại lý thu mua mủ trực tiếp từ chủ lô cao su: Các thông tin, bằng chứng liệt kê trong Bảng 1 nêu trên, là thông tin, bằng chứng của nguồn mủ đầu vào từ chủ lô cao su, do chủ lô cao su chuyển cho đại lý. - Trường hợp đại lý (cấp 1) thu mua mủ từ đại lý khác (cấp 2, 3): Các thông tin, bằng chứng liệt kê trong Bảng 1 nêu trên của chủ lô cao su	Sử dụng Mẫu biểu 08 trong Phụ lục 2 để cung cấp danh sách tổng hợp các nhà cung cấp và khối lượng mủ các nhà cung cấp bán cho đại lý.

	cung cấp cho đại lý cấp 2, 3; kèm theo thông tin định danh của đại lý cấp 2, 3. - Bảng kê tổng hợp chủng loại, chất lượng, trọng lượng mũ đại lý đã thu mua từ tất cả các nhà cung cấp.	
c. Thông tin bán mũ nguyên liệu tuân thủ EUDR cho chủ thể tiếp theo (bên mua) của đại lý	- Thông tin định danh của bên mua.	Sử dụng Mẫu biểu 03 trong Phụ lục 2 để cung cấp thông tin định danh của bên mua.
	- Bảng kê tổng hợp về lượng mũ giao dịch: ngày giao dịch; tên các bên giao dịch; chủng loại, chất lượng, trọng lượng mũ giao dịch.	- Sử dụng Mẫu biểu 08 trong Phụ lục 2 để cung cấp danh sách tổng hợp các nhà cung cấp và khối lượng mũ của các nhà cung cấp (đầu vào của bên bán). - Sử dụng Mẫu biểu 06 trong Phụ lục 2 để cung cấp thông tin về lượng mũ giao dịch với bên mua.

3.2.3. Doanh nghiệp nhập khẩu vào Việt Nam

Doanh nghiệp nhập khẩu các mặt hàng cao su, bao gồm mũ nguyên liệu và sản phẩm cao su, cần thu thập và cung cấp thông tin về định danh và hoạt động kinh doanh của mình. Doanh nghiệp nhập khẩu phải yêu cầu các bên bán mặt hàng cao su cho mình cung cấp các thông tin đảm bảo nguồn cung này (từ chủ lô cao su là hộ và/hoặc doanh nghiệp) đáp ứng đầy đủ được các thông tin trong Phần 3.2.1 và 3.2.2 nêu trên.

Doanh nghiệp nhập khẩu cần đánh giá hồ sơ cung cấp bởi bên bán mặt hàng cao su cho mình về khả năng tuân thủ EUDR. Trong trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu phát hiện thiếu thông tin theo yêu cầu của Phần 3.2.1 và 3.2.2 đối với lượng mũ hay sản phẩm nhập khẩu, hoặc doanh nghiệp nhập khẩu nhận thấy thông tin được cung cấp không đủ độ chính xác và tin cậy, tức tồn tại rủi ro không tuân thủ EUDR, thì doanh nghiệp nhập khẩu phải yêu cầu bên bán cung cấp thông tin và giải trình bổ sung, đồng thời thực hiện hoặc đưa ra biện pháp để đảm bảo, với sự chấp thuận của doanh nghiệp nhập khẩu, rằng lượng mũ hay sản phẩm nhập khẩu này không còn tồn tại rủi ro không tuân thủ EUDR, hoặc ở tình trạng rủi ro không đáng kể (*Mẫu phiếu Đánh giá khả năng tuân thủ EUDR của bên bán theo Mẫu biểu 07 trong Phụ lục 2*).

Đối với các nguồn cung đáp ứng yêu cầu thông tin quy định trong Phần 3.2.1 và 3.2.2, và cung cấp, giải trình bổ sung nhưng doanh nghiệp nhập khẩu có thể không hiểu cặn kẽ về các yêu cầu của quốc gia xuất khẩu quy định về các hoạt động liên quan tới chuỗi cung tại các quốc gia này, doanh nghiệp nhập khẩu cần yêu cầu bên bán hàng cho mình cam kết đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ với các yêu cầu của quốc gia xuất khẩu (*Mẫu Cam kết dành cho doanh nghiệp nước ngoài cung cấp mặt hàng cao su cho doanh nghiệp nhập khẩu khi nhập khẩu mặt hàng cao su tuân thủ EUDR vào Việt Nam theo Mẫu biểu 09 trong Phụ lục 2*).

Trong trường hợp lượng mủ nguyên liệu và/hoặc sản phẩm cao su đã nhập khẩu có một phần không tuân thủ EUDR, bên bán đã cung cấp thông tin và giải trình bổ sung, đã đưa ra các biện pháp giảm thiểu rủi ro; và phần không tuân thủ EUDR này có thể tách riêng với phần còn lại tuân thủ EUDR, thì doanh nghiệp nhập khẩu phải thực hiện việc tách vật lý (áp dụng các hình thức phù hợp để đảm bảo phân biệt được lượng hàng tuân thủ EUDR với hàng không tuân thủ EUDR, ví dụ như dán nhãn “**Tuân thủ EUDR**” lên lượng hàng tuân thủ này) và chỉ cung cấp phần tuân thủ EUDR cho bên mua có yêu cầu sản phẩm họ mua phải tuân thủ EUDR.

Trong trường hợp lượng mủ nguyên liệu và/hoặc sản phẩm cao su đã nhập khẩu có một phần không tuân thủ EUDR, mà doanh nghiệp nhập khẩu không thể tách vật lý phần không tuân thủ EUDR với phần tuân thủ EUDR, thì toàn bộ lượng mủ nguyên liệu và/hoặc sản phẩm cao su này phải bị loại khỏi chuỗi cung cho bên mua yêu cầu tuân thủ EUDR.

Doanh nghiệp nhập khẩu và các bên cung mặt hàng cao su cho mình tại quốc gia xuất khẩu phải thường xuyên theo dõi, nhận diện rủi ro về gây mất rừng và/hoặc không tuân thủ pháp luật trong các hoạt động trồng, khai thác, chế biến và cung ứng mặt hàng cao su. Nếu có bất kỳ rủi ro nào liên quan đến gây mất rừng sau ngày 31/12/2020, sản xuất không hợp pháp, hay trộn lẫn các nguồn cung không rõ nguồn gốc,... được phát hiện, hai bên cần kịp thời thông tin cho nhau và cùng thảo luận để đưa ra các biện pháp giảm thiểu rủi ro và đưa các nguy cơ rủi ro này ít nhất về mức độ rủi ro không đáng kể.

Doanh nghiệp nhập khẩu có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ những thông tin của mình và của bên cung cấp đầu vào cho mình trong 05 (năm) năm, tính từ thời điểm bên mua là nhà nhập khẩu EU đưa sản phẩm vào thị trường này, đồng thời phải chuyển giao những thông tin này cho bên mua các mặt hàng của mình - là chủ thể kế tiếp trong chuỗi cung. Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu đồng thời là doanh nghiệp xuất khẩu và/hoặc doanh nghiệp chế biến, thì doanh nghiệp phải thực hiện các yêu cầu nêu trong Phần 3.2.4 và/hoặc 3.2.5.

Bảng 3 tổng hợp các yêu cầu về thông tin đảm bảo tuân thủ EUDR đối với doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng cao su vào Việt Nam.

Bảng 3: Các thông tin đảm bảo tuân thủ EUDR từ doanh nghiệp nhập khẩu

Nhóm thông tin	Thông tin cụ thể	Ghi chú
a. Thông tin định danh của doanh nghiệp nhập khẩu	Số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, người đại diện pháp luật, địa chỉ, phương thức liên lạc (email, điện thoại).	Sử dụng Mẫu biểu 03 trong Phụ lục 2 để cung cấp thông tin định danh của doanh nghiệp nhập khẩu.
b. Thông tin, bằng chứng về mặt hàng cao su nhập khẩu (đầu vào) tuân thủ EUDR của doanh nghiệp nhập khẩu	- Các thông tin, bằng chứng liệt kê trong Bảng 1 và 2 nêu trên, là thông tin, bằng chứng về nguồn nguyên liệu đầu vào từ nhà cung cấp, do các nhà cung cấp tại quốc gia xuất khẩu chuyển cho doanh nghiệp nhập khẩu. - Hồ sơ nhập khẩu đối với mặt hàng nhập khẩu: Tờ khai hải quan, hợp đồng thương mại, hóa đơn, tờ khai thuế, vận đơn, bảng kê sản phẩm, chứng nhận xuất xứ, chứng nhận kiểm dịch,... - Bảng kê tổng hợp chủng loại, chất lượng, khối lượng mặt hàng doanh nghiệp nhập khẩu đã nhập từ các nhà cung cấp.	Sử dụng Mẫu biểu 08 trong Phụ lục 2 để cung cấp danh sách tổng hợp các nhà cung cấp và khối lượng mặt hàng cao su của các nhà cung cấp.
c. Cam kết tuân thủ EUDR của bên cung cấp mặt hàng cho doanh nghiệp nhập khẩu	Bản cam kết tuân thủ EUDR đối với các mặt hàng bên cung cấp bán cho doanh nghiệp nhập khẩu để nhập khẩu vào Việt Nam.	Sử dụng Mẫu biểu 09 trong Phụ lục 2.
d. Thông tin về giao dịch doanh nghiệp nhập khẩu bán mặt hàng nhập khẩu tuân thủ EUDR cho bên mua trong nước	- Thông tin định danh của bên mua.	Sử dụng Mẫu biểu 03 trong Phụ lục 2 để cung cấp thông tin định danh của bên mua.
	- Bảng kê tổng hợp về mặt hàng giao dịch: ngày giao dịch; tên các bên giao dịch; chủng loại, mã HS, khối lượng mặt hàng giao dịch.	Sử dụng Mẫu biểu 10 trong Phụ lục 2 để cung cấp thông tin về lượng sản phẩm giao dịch với bên mua.

3.2.4. Doanh nghiệp chế biến

Doanh nghiệp chế biến sản phẩm cao su với sản phẩm đầu ra là sản phẩm sơ chế và sản phẩm hoàn chỉnh, cần thu thập và cung cấp thông tin về định danh

và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình cho bên mua sản phẩm của mình, là chủ thể tiếp theo trong chuỗi cung. Đồng thời doanh nghiệp chế biến cũng phải yêu cầu các bên bán nguyên liệu đầu vào cho mình, từ nguồn trong nước và/hoặc nhập khẩu, cung cấp bộ hồ sơ đầy đủ liên quan đến nguồn nguyên liệu tuân thủ EUDR bao gồm các thông tin, bằng chứng trong Phần 3.2.1, 3.2.2, và 3.2.3 nêu trên.

Doanh nghiệp chế biến cần đánh giá hồ sơ do bên bán nguyên liệu đầu vào cung cấp về khả năng tuân thủ EUDR. Trong trường hợp doanh nghiệp chế biến phát hiện thiếu thông tin theo yêu cầu của Phần 3.2.1, 3.2.2 và 3.2.3 hoặc doanh nghiệp chế biến nhận thấy thông tin được cung cấp không đủ độ chính xác và tin cậy (tức tồn tại rủi ro không tuân thủ EUDR) thì doanh nghiệp chế biến phải yêu cầu bên bán cung cấp thông tin và giải trình bổ sung, đồng thời thực hiện hoặc đưa ra biện pháp để đảm bảo với sự chấp thuận của doanh nghiệp chế biến rằng: lượng nguyên liệu liên quan không còn tồn tại rủi ro không tuân thủ EUDR, hoặc ở tình trạng rủi ro không đáng kể (*Mẫu phiếu Đánh giá khả năng tuân thủ EUDR của bên bán theo Mẫu biểu 07 trong Phụ lục 2*).

Trong trường hợp nguyên liệu đầu vào doanh nghiệp chế biến đã mua có một phần không tuân thủ EUDR, bên bán đã cung cấp thông tin và giải trình bổ sung, đã đưa ra các biện pháp giảm thiểu rủi ro, và phần không tuân thủ EUDR này có thể tách riêng với phần tuân thủ EUDR thì doanh nghiệp chế biến phải thực hiện việc tách vật lý phần nguyên liệu đầu vào tuân thủ EUDR với nguồn không tuân thủ và chỉ sử dụng phần tuân thủ EUDR để sản xuất sản phẩm cho bên mua của mình có yêu cầu sản phẩm phải tuân thủ EUDR.

Trong trường hợp lượng mua nguyên liệu đầu vào doanh nghiệp chế biến đã mua có một phần không tuân thủ EUDR nhưng không thể tách vật lý phần không tuân thủ này thì toàn bộ lượng nguyên liệu đầu vào này phải bị loại khỏi dây chuyền sản xuất sản phẩm cung cấp cho bên mua yêu cầu sản phẩm họ mua tuân thủ EUDR.

Doanh nghiệp chế biến cần tổ chức khu vực hay kho lưu chứa nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, và dây chuyền sản xuất riêng đảm bảo tách biệt vật lý giữa nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra tuân thủ EUDR với nguyên liệu và sản phẩm đầu ra không tuân thủ EUDR. Khu vực lưu chứa và mỗi kiện hàng nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra tuân thủ EUDR nên được gắn nhãn “**Tuân thủ EUDR**” nhằm tránh nhầm lẫn trong quá trình chế biến và giao dịch sau này.

Doanh nghiệp chế biến và các bên cung nguyên liệu đầu vào cho mình phải thường xuyên theo dõi, nhận diện và đánh giá rủi ro về gây mất rừng và/hoặc không tuân thủ pháp luật trong quá trình trồng, khai thác và cung ứng nguyên liệu đầu vào. Nếu có bất kỳ rủi ro nào liên quan đến gây mất rừng sau ngày 31/12/2020, sản xuất không hợp pháp, hay trộn lẫn các nguồn cung không rõ nguồn gốc,... được phát hiện, hai bên cần kịp thời thông tin cho nhau và cùng thảo luận để đưa ra các biện pháp giảm thiểu rủi ro, để đảm bảo sản phẩm doanh nghiệp cung cấp cho bên mua có yêu cầu sản phẩm phải tuân thủ EUDR ở tình trạng không có rủi ro hoặc rủi ro không đáng kể.

Doanh nghiệp chế biến có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ những thông tin của mình và của bên cung cấp nguyên liệu đầu vào cho mình trong 05 (năm) năm, tính từ thời điểm bên mua là nhà nhập khẩu EU đưa sản phẩm vào thị trường này. Doanh nghiệp chế biến cũng phải chuyển giao những thông tin này cho bên mua các mặt hàng của mình, là chủ thể tiếp theo của chuỗi cung. Các thông tin này từ doanh nghiệp chế biến là đầu vào quan trọng cho nhà nhập khẩu EU xây dựng Tuyên bố thẩm định chuỗi cung ứng DDS của họ để gửi đến Cơ quan thẩm quyền của EU.

Trường hợp doanh nghiệp chế biến đồng thời là doanh nghiệp nhập khẩu và/hoặc doanh nghiệp xuất khẩu, thì doanh nghiệp phải thực hiện các yêu cầu nêu trong Phần 3.2.3 và/hoặc 3.2.5.

Bảng 4 tổng hợp các yêu cầu về thông tin đảm bảo tuân thủ EUDR đối với doanh nghiệp chế biến.

Bảng 4: Các thông tin đảm bảo tuân thủ EUDR từ doanh nghiệp chế biến

Nhóm thông tin	Thông tin cụ thể	Ghi chú
a. Thông tin định danh của doanh nghiệp chế biến	Số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, người đại diện pháp luật, địa chỉ, phương thức liên lạc (email, điện thoại).	Sử dụng Mẫu biểu 03 trong Phụ lục 2 để cung cấp thông tin định danh doanh nghiệp chế biến.
b. Thông tin, bằng chứng về nguyên liệu đầu vào tuân thủ EUDR của doanh nghiệp chế biến	- Các thông tin, bằng chứng liệt kê trong các Bảng 1, 2 và 3 nêu trên, là thông tin, bằng chứng cho nguồn đầu vào từ nhà cung cấp nguyên liệu chuyển cho doanh nghiệp chế biến. - Bảng kê tổng hợp chủng loại, chất lượng, trọng lượng nguyên liệu đầu vào doanh nghiệp chế biến đã mua từ các nhà cung cấp.	Sử dụng Mẫu biểu 08 trong Phụ lục 2 để cung cấp danh sách tổng hợp các nhà cung cấp và trọng lượng nguyên liệu đầu vào của các nhà cung cấp.
c. Thông tin về giao dịch doanh nghiệp chế biến bán sản phẩm tuân thủ EUDR cho bên mua	- Thông tin định danh của bên mua.	Sử dụng Mẫu biểu 03 trong Phụ lục 2 để cung cấp thông tin định danh bên mua.
	- Ngày thực hiện giao dịch, chủng loại, chất lượng, trọng lượng sản phẩm doanh nghiệp chế biến bán cho bên mua.	- Sử dụng Mẫu biểu 08 trong Phụ lục 2 để cung cấp danh sách tổng hợp các nhà cung cấp và trọng lượng sản phẩm (đầu vào).

		- Sử dụng Mẫu biểu 10 trong Phụ lục 2 để cung cấp thông tin về lượng sản phẩm giao dịch với bên mua.
--	--	--

3.2.5. Doanh nghiệp xuất khẩu

Doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm cao su, bao gồm sản phẩm sơ chế và sản phẩm hoàn chỉnh, cần thu thập và cung cấp thông tin về định danh và hoạt động kinh doanh cho bên nhập khẩu sản phẩm - là nhà nhập khẩu của EU hoặc của quốc gia khác có yêu cầu sản phẩm tuân thủ EUDR. Đồng thời doanh nghiệp phải yêu cầu các bên bán sản phẩm cho mình, cả nguồn trong nước và nhập khẩu, cung cấp thông tin đầy đủ về nguồn sản phẩm họ cung cấp, bao gồm các thông tin trong Phần 3.2.1, 3.2.2, 3.2.3, và 3.2.4.

Doanh nghiệp xuất khẩu cần đánh giá hồ sơ sản phẩm cung cấp cho mình về khả năng tuân thủ EUDR. Trong trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu phát hiện thiếu thông tin theo yêu cầu của Phần 3.2.1, 3.2.2, 3.2.3 và 3.2.4, hoặc doanh nghiệp xuất khẩu nhận thấy thông tin được cung cấp không đủ độ chính xác và tin cậy (tức tồn tại rủi ro không tuân thủ EUDR) thì doanh nghiệp xuất khẩu phải yêu cầu bên bán cung cấp thông tin và giải trình bổ sung, đồng thời thực hiện hoặc đưa ra biện pháp để đảm bảo, với sự chấp thuận của doanh nghiệp xuất khẩu rằng: lô (batch) sản phẩm liên quan không còn tồn tại rủi ro không tuân thủ EUDR, hoặc ở tình trạng rủi ro không đáng kể (*Mẫu phiếu Đánh giá khả năng tuân thủ EUDR của bên bán theo Mẫu biểu 07 trong Phụ lục 2*).

Trong trường hợp lô sản phẩm doanh nghiệp xuất khẩu đã mua có một phần không tuân thủ EUDR, bên bán đã cung cấp thông tin và giải trình bổ sung, đã đưa ra các biện pháp giảm thiểu rủi ro, và phần không tuân thủ EUDR này có thể tách riêng với phần tuân thủ EUDR thì doanh nghiệp xuất khẩu phải thực hiện việc tách vật lý số sản phẩm tuân thủ EUDR với những sản phẩm không tuân thủ và chỉ cung cấp số sản phẩm tuân thủ EUDR cho bên mua có yêu cầu sản phẩm phải tuân thủ EUDR.

Trong trường hợp lô sản phẩm doanh nghiệp xuất khẩu đã mua có một phần không tuân thủ EUDR nhưng không thể tách vật lý phần không tuân thủ EUDR thì toàn bộ lô sản phẩm này phải bị loại khỏi chuỗi cung cấp cho bên mua yêu cầu sản phẩm họ mua phải tuân thủ EUDR.

Doanh nghiệp xuất khẩu cần tổ chức khu vực hay kho lưu chứa sản phẩm mình mua (để xuất khẩu) đảm bảo tách biệt vật lý giữa sản phẩm tuân thủ EUDR với sản phẩm không tuân thủ. Khu vực lưu chứa và mỗi kiện sản phẩm tuân thủ EUDR nên được gắn nhãn “**Tuân thủ EUDR**” nhằm tránh nhầm lẫn trong quá trình lưu kho và giao dịch sau này.

Doanh nghiệp xuất khẩu và bên cung sản phẩm cho mình phải thường xuyên theo dõi, nhận diện và đánh giá rủi ro về tuân thủ EUDR trong các hoạt động của mình. Nếu có bất kỳ rủi ro nào liên quan đến gây mất rừng sau ngày

31/12/2020, sản xuất không hợp pháp, hay trộn lẫn các nguồn cung không rõ nguồn gốc,... được phát hiện, hai bên cần kịp thời thông tin cho nhau và cùng thảo luận để đưa ra các biện pháp giảm thiểu rủi ro, để đảm bảo sản phẩm doanh nghiệp cung cấp cho nhà nhập khẩu của EU hoặc của quốc gia khác có yêu cầu sản phẩm phải tuân thủ EUDR, ở tình trạng không có rủi ro hoặc rủi ro không đáng kể.

Doanh nghiệp xuất khẩu có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ những thông tin về các hoạt động của mình, và của các nhà cung cấp sản phẩm chuyển cho mình trong 05 (năm) năm, tính từ thời điểm nhà nhập khẩu EU đưa sản phẩm vào thị trường này. Doanh nghiệp xuất khẩu có trách nhiệm chuyển giao những thông tin này cho bên nhập khẩu vào EU các sản phẩm của mình. Các thông tin này là cơ sở quan trọng để nhà nhập khẩu phía EU xây dựng Tuyên bố thẩm định chuỗi cung ứng DDS để gửi đến Cơ quan thẩm quyền của EU.

Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu đồng thời là doanh nghiệp nhập khẩu và/hoặc doanh nghiệp chế biến, thì doanh nghiệp phải thực hiện các yêu cầu nêu trong Phần 3.2.3 và/hoặc 3.2.4.

Bảng 5 tổng hợp các yêu cầu về thông tin đảm bảo tuân thủ EUDR đối với doanh nghiệp xuất khẩu.

Bảng 5: Các thông tin đảm bảo tuân thủ EUDR từ doanh nghiệp xuất khẩu

Nhóm thông tin	Thông tin cụ thể	Ghi chú
a. Thông tin định danh của doanh nghiệp xuất khẩu	Số đăng ký kinh doanh, mã số thuế, người đại diện pháp luật, địa chỉ, phương thức liên lạc (email, điện thoại).	Sử dụng Mẫu biểu 03 trong Phụ lục 2 để cung cấp thông tin định danh doanh nghiệp xuất khẩu.
b. Thông tin, bằng chứng về nguồn cung đầu vào tuân thủ EUDR của doanh nghiệp xuất khẩu	- Các thông tin, bằng chứng liệt kê trong Bảng 1, 2, 3 và 4 nêu trên, là thông tin, bằng chứng cho nguồn đầu vào để sản xuất ra sản phẩm cung cấp cho doanh nghiệp xuất khẩu, do các nhà cung cấp (là doanh nghiệp nhập khẩu và/hoặc doanh nghiệp chế biến) chuyển cho doanh nghiệp xuất khẩu. - Bảng kê tổng hợp chủng loại, số lượng/trọng lượng sản phẩm doanh nghiệp xuất khẩu đã mua (đầu vào).	Sử dụng Mẫu biểu 08 trong Phụ lục 2 để cung cấp danh sách tổng hợp các nhà cung cấp và khối lượng mặt hàng cao su của các nhà cung cấp.
c. Thông tin về giao dịch doanh nghiệp xuất khẩu	- Thông tin định danh của bên mua.	Sử dụng Mẫu biểu 03 trong Phụ lục 2 để cung cấp thông tin định danh bên mua.

sản phẩm cao su tuân thủ EUDR	- Hồ sơ xuất khẩu: Tờ khai hải quan, hợp đồng thương mại, hoá đơn, tờ khai thuế, vận đơn, bảng kê sản phẩm, chứng nhận xuất xứ, chứng nhận kiểm dịch,...	
	- Một tài liệu định dạng Geojson bao gồm các thông tin: (1) Mã vận đơn xuất khẩu của sản phẩm (ShippingID); (2) Mã kiện sản phẩm (LotID); (3) Diện tích (các) lô cao su sản xuất mũ dùng cho sản phẩm xuất khẩu (Area); (4) Tên sản phẩm kèm mã HS (ProductName); (5) Trọng lượng sản phẩm (Quantity); (6) Tên doanh nghiệp sản xuất sản phẩm (ProducerName); (7) Quốc gia của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm (ProducerCountry); (8) Nơi sản xuất sản phẩm (ProductionPlace); (9) Ngày sản xuất sản phẩm; (10) Tọa độ địa lý 1 điểm (coordinate) hoặc các điểm khép góc (polygon) tất cả các lô cao su sản xuất mũ dùng cho sản phẩm.	

Bảng 6 tổng hợp các thông tin các chủ thể tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm cao su tuân thủ EUDR tại Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU phải chuẩn bị, lưu trữ và cung cấp.

Bảng 6: Các loại thông tin và bằng chứng các chủ thể tham gia chuỗi cung sản phẩm cao su tuân thủ EUDR tại Việt Nam xuất khẩu vào EU phải chuẩn bị, lưu trữ và cung cấp

Các loại thông tin, bằng chứng	Đảm bảo yêu cầu		Chủ thể chịu trách nhiệm					
	Không gây mất rừng	Hợp pháp	Chủ lô cao su tiểu điền (nông hộ)	Chủ lô cao su đại điền (DN)	Đại lý thu mua mủ cao su trong nước	DN NK các mặt hàng cao su vào Việt Nam	DN chế biến	DN xuất khẩu
1. Thông tin về lô cao su khai thác mủ:								
- Ranh giới, tọa độ địa lý từng lô cao su	X		X	X				
- Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với lô cao su		X	X	X				
- Diện tích trồng, số cây cao su, sản lượng từng lô cao su		X	X	X				
2. Thông tin về 1 giao dịch mua bán các mặt hàng cao su:								
2.1. Thông tin về 1 giao dịch mua bán mủ cao su:	X	X						
- Ngày khai thác mủ			X	X				
- Vị trí lô cao su khai thác mủ (bao gồm tên quốc gia)			X	X				
- Ngày diễn ra giao dịch			X	X				
- Chứng loại, chất lượng mủ, trọng lượng mủ giao dịch			X	X				
- Thông tin định danh về bên bán và bên mua (tên người đại diện, số căn cước, mã số thuế, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ, email, điện thoại,...)			X	X	X	X		
- Các hồ sơ về các giao dịch trước đó, với trường hợp lượng mủ giao dịch có bao gồm mủ bên bán thu mua từ các nguồn trung gian trong nước khác					X			
- Bộ hồ sơ nhập khẩu, với trường hợp lượng mủ giao dịch có nguồn gốc nhập khẩu (Tờ khai hải quan, hợp đồng thương mại, tờ khai thuế, vận đơn, bảng kê sản phẩm, chứng nhận xuất xứ, chứng nhận kiểm dịch, hóa đơn, cam kết về tuân thủ EUDR của nhà cung cấp đối với mặt hàng nhập khẩu,...)					X	X		

2.2. Thông tin về 1 giao dịch sản phẩm sơ chế hoặc sản phẩm hoàn chỉnh:	X	X						
- Ngày sản xuất sản phẩm giao dịch							X	X
- Địa chỉ nơi sản xuất mặt hàng giao dịch (bao gồm tên quốc gia)						X	X	X
- Ngày diễn ra giao dịch						X	X	X
- Loại mặt hàng, mã HS, khối lượng của mặt hàng giao dịch						X	X	X
- Thông tin định danh về bên bán và bên mua (tên người đại diện, mã số thuế, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ, email, điện thoại,...)						X	X	X
- Các hồ sơ về các giao dịch trước đó, với trường hợp sản phẩm giao dịch có sử dụng nguyên liệu đầu vào và sản phẩm bên bán thu mua từ các nguồn trung gian trong nước khác						X	X	X
- Bộ hồ sơ nhập khẩu, với trường hợp sản phẩm giao dịch có nguồn gốc nhập khẩu (Tờ khai hải quan, hợp đồng thương mại, tờ khai thuế, vận đơn, bảng kê sản phẩm, chứng nhận xuất xứ, chứng nhận kiểm dịch, hóa đơn, cam kết về tuân thủ EUDR của nhà cung cấp đối với mặt hàng nhập khẩu,...)						X	X	X
- Bộ hồ sơ xuất khẩu, với trường hợp sản phẩm giao dịch được xuất khẩu cho bên mua để bán vào thị trường EU (Tờ khai hải quan, hợp đồng thương mại, tờ khai thuế, vận đơn, bảng kê sản phẩm, chứng nhận xuất xứ, chứng nhận kiểm dịch (phyto), hóa đơn,...), file Geojson gồm các thông tin: (1) Mã vận đơn xuất khẩu của sản phẩm (ShippingID); (2) Mã kiện sản phẩm (LotID); (3) Diện tích (các) lô cao su sản xuất mũ dùng cho sản phẩm xuất khẩu (Area); (4) Tên sản phẩm kèm mã HS (ProductName); (5) Trọng lượng sản phẩm (Quantity); (6) Tên doanh nghiệp sản xuất sản phẩm (ProducerName); (7) Quốc gia của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm (ProducerCountry); (8) Nơi sản xuất sản phẩm (ProductionPlace); (9) Ngày sản xuất sản phẩm (ProductionDate); (10) Tọa độ địa lý 1 điểm (coordinate) hoặc các điểm khép góc (polygon) tất cả các lô cao su sản xuất mũ dùng cho sản phẩm.								X
- Thông tin, giải trình bổ sung (khi có yêu cầu) phục vụ xây dựng Tuyên bố thẩm định chuỗi cung ứng (DDS), bao gồm kết quả đánh giá rủi ro và đưa ra các biện pháp giảm thiểu rủi ro tuân thủ EUDR của Nhà nhập khẩu EU	X	X	X	X	X	X	X	X

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp có tham gia trong chuỗi cung ngành hàng cao su căn cứ Hướng dẫn này để thu thập, lưu trữ và cung cấp cho khách hàng thông tin, bằng chứng minh chứng mặt hàng cao su không gây mất rừng và sản xuất hợp pháp tại quốc gia sản xuất, theo quy định của EUDR.

2. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và địa phương tổ chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp thực hiện Hướng dẫn này; kịp thời phát hiện các vướng mắc, bất cập để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện Hướng dẫn, nhằm hỗ trợ cho chủ lô cao su, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp liên quan tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của EUDR.

3. Các hiệp hội, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan tổ chức xây dựng tài liệu chi tiết, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn các chủ lô cao su, các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp có liên quan trong chuỗi cung ứng các mặt hàng cao su thích ứng và tuân thủ EUDR theo quy định tại Hướng dẫn này./.

CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

PHỤ LỤC

Các phụ lục kèm theo Hướng dẫn:

Phụ lục 1. Danh mục các nhóm mặt hàng cao su chịu sự điều chỉnh bởi EUDR (theo Phụ lục I Quy định (EU) 2023/1115, phiên bản cập nhật ngày 13/7/2026).

Phụ lục 2. Các Mẫu biểu liên quan.

Phụ lục 3. Hướng dẫn sử dụng Cơ sở dữ liệu vùng trồng EUDR (theo file đính kèm).

Phụ lục 1: Danh mục các nhóm mặt hàng cao su chịu sự điều chỉnh bởi EUDR (theo Phụ lục I Quy định (EU) 2023/1115, phiên bản cập nhật ngày 13/7/2026)

STT	Mã HS*	Mô tả nhóm mặt hàng
1.	Một phần của 4001	Nhựa (mủ) khai thác từ cây <i>Hevea brasiliensis</i> (cây cao su), ở dạng nguyên sinh hoặc ở dạng tấm, tờ hoặc dải
2.	Một phần của 4005	Cao su hỗn hợp, chưa lưu hóa, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải
3.	Một phần của 4006	Cao su chưa lưu hóa ở dạng khác (ví dụ thanh, ống và dạng hình) và các sản phẩm khác (ví dụ đĩa và vòng)
4.	Một phần của 4007	Chỉ sợi và dây bện bằng cao su đã lưu hóa
5.	Một phần của 4008	Tấm, tờ, dải, thanh và sản phẩm định hình bằng cao su đã lưu hóa, trừ cao su cứng; không bao gồm sản phẩm đã qua sử dụng và hàng cũ
6.	Một phần của 4011	Lốp mới bằng cao su loại bơm hơi
7.	Một phần của 4012	Hoa lốp (mã HS 40129030)
8.	Một phần của 4013	Săm các loại bằng cao su
9.	Một phần của 4015	Sản phẩm may mặc và đồ phụ trợ may mặc (kể cả găng tay, găng hở ngón và găng bao tay), dùng cho mọi mục đích, bằng cao su đã lưu hóa, trừ cao su cứng; không bao gồm sản phẩm đã qua sử dụng và hàng cũ.
10.	Một phần của 4017	Cao su cứng (ví dụ, ebonit) ở các dạng, kể cả phế liệu; các sản phẩm bằng cao su cứng; không bao gồm phế thải theo định nghĩa tại Điều 3, Khoản 1 của Chỉ thị 2008/98/EC** và không bao gồm sản phẩm đã qua sử dụng và hàng cũ.

Ghi chú:

*: Danh mục các sản phẩm cao su chịu điều chỉnh của EUDR có thể được thay đổi, cập nhật từ phía EU. Khi có cập nhật, các bên cần đáp ứng tuân thủ cho sản phẩm theo cập nhật mới.

** : Điều 3, khoản (1) của Chỉ thị 2008/98/EC định nghĩa “Phế thải” là bất kỳ chất hoặc vật thể nào mà người đang nắm giữ loại bỏ, có ý định loại bỏ hoặc buộc phải loại bỏ.

Phụ lục 2: Các Mẫu biểu liên quan

Lưu ý: Các Mẫu biểu được cung cấp theo Hướng dẫn này nhằm mục đích cung cấp các trường thông tin cần thiết để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của EUDR. Các chủ thể sử dụng Mẫu biểu liên quan không nhất thiết phải sử dụng đúng định dạng được thiết kế của Mẫu biểu.

Danh mục các Mẫu biểu:

Mẫu biểu 02: Phiếu đánh giá về khả năng tuân thủ EUDR của lô cao su (dành cho chủ lô cao su)

Mẫu biểu 03: Phiếu cung cấp thông tin định danh (dành cho tất cả các chủ thể trong chuỗi cung ứng)

Mẫu biểu 04: Thông tin lô cao su (kèm tọa độ địa lý)

Mẫu biểu 05: Phiếu thông tin khai thác mỏ (dành cho chủ lô cao su trong nước)

Mẫu biểu 06: Phiếu thông tin giao dịch mỏ (dành cho mua bán mỏ trong nước)

Mẫu biểu 07: Phiếu đánh giá khả năng tuân thủ EUDR đối với nhà cung cấp

Mẫu biểu 08: Danh sách tổng hợp đầu vào của bên bán (trừ chủ lô)

Mẫu biểu 09: Cam kết tuân thủ EUDR của nhà cung cấp nước ngoài

Mẫu biểu 10: Phiếu giao dịch mặt hàng cao su (mủ nguyên liệu NK, sản phẩm sơ chế và sản phẩm hoàn chỉnh, trừ mủ trong nước)

Mẫu biểu 02: Phiếu đánh giá về khả năng tuân thủ EUDR của lô cao su

Tên người/doanh nghiệp là chủ lô cao su được đánh giá: Mã hộ/DN: Địa chỉ: Người đánh giá: Ngày đánh giá: Tổng số lô cao su hiện Hộ/DN đang trực tiếp sử dụng và khai thác mỏ? lô. Thông tin cụ thể của từng lô:						
TT	Câu hỏi đánh giá	Câu trả lời				
		Lô:..... Mã lô:	Lô:..... Mã lô:	Lô:..... Mã lô:	Lô:..... Mã lô:	Lô:..... Mã lô:
1	Lô cao su Hộ/DN đang sử dụng và khai thác mỏ có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp không?	☐ Có GCN QSDĐ chính chủ ☐ Có Hợp đồng thuê đất hợp pháp ☐ Có giấy xác nhận của chính quyền cấp xã ☐ Có (loại giấy tờ khác, ghi cụ thể): ☐ Không	☐ Có GCN QSDĐ chính chủ ☐ Có Hợp đồng thuê đất hợp pháp ☐ Có giấy xác nhận của chính quyền cấp xã ☐ Có (loại giấy tờ khác, ghi cụ thể): ☐ Không	☐ Có GCN QSDĐ chính chủ ☐ Có Hợp đồng thuê đất hợp pháp ☐ Có giấy xác nhận của chính quyền cấp xã ☐ Có (loại giấy tờ khác, ghi cụ thể): ☐ Không	☐ Có GCN QSDĐ chính chủ ☐ Có Hợp đồng thuê đất hợp pháp ☐ Có giấy xác nhận của chính quyền cấp xã ☐ Có (loại giấy tờ khác, ghi cụ thể): ☐ Không	☐ Có GCN QSDĐ chính chủ ☐ Có Hợp đồng thuê đất hợp pháp ☐ Có giấy xác nhận của chính quyền cấp xã ☐ Có (loại giấy tờ khác, ghi cụ thể): ☐ Không
2	Hộ/DN có đồng ý cung cấp thông tin trên giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp nêu trên (nếu có) với các bên có giao dịch mỏ với Hộ/DN không?	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không
3	Hộ/DN có đồng ý cung cấp thông tin về ranh giới và tọa độ địa lý của lô cao su của Hộ/DN không?	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không

4	Lô cao su của Hộ/DN có đang sử dụng đúng mục đích so với quy định pháp luật về mục đích sử dụng của lô đất hay không?	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không
5	Có đúng là lô cao su của Hộ/DN không phải chuyển đổi từ rừng tự nhiên từ sau 31/12/2020?	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không
6	Có đúng là lô cao su của Hộ/DN không phải là đất chuyển đổi từ rừng/đất lâm nghiệp sang đất nông nghiệp từ sau 31/12/2020?	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không
7	Có đúng là lô cao su của Hộ/DN KHÔNG có tranh chấp, có ranh giới rõ ràng, KHÔNG chồng lấn với (các) lô đất liền kề khác?	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không
8	Hộ/DN có đồng ý cung cấp thông tin về hiện trạng cây cao su trên lô (diện tích trồng, số cây, sản lượng dự kiến,...)	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không
9	Hộ/DN có đồng ý cung cấp thông tin về khai thác mủ (chủng loại, chất lượng, trọng lượng) cho các bên có giao dịch mủ với Hộ/DN không?	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không
10	Hộ/DN đã có phương án và/hoặc quy trình nội bộ cụ thể để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro bị trộn lẫn các nguồn mủ khác hoặc không truy xuất được nguồn gốc mủ theo từng lô cao su?	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không
11	Hộ/DN có sẵn sàng cung cấp thông tin, bằng chứng bổ sung khi có yêu	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không	☐ Có; ☐ Không

	cầu, liên quan đến lượng mù và/hoặc lô cao su của Hộ/DN đã bán cho bên mua?					
12	Hộ/DN có đồng ý cung cấp thông tin trên thẻ căn cước/đăng ký kinh doanh của Hộ/DN với các bên có giao dịch mù với Hộ/DN với mục đích tuân thủ EUDR không?	☐ Có; ☐ Không				
	ĐÁNH GIÁ VỀ TUÂN THỦ EUDR CỦA LÔ CAO SU:	☐ Tuân thủ EUDR; ☐ Không tuân thủ EUDR	☐ Tuân thủ EUDR; ☐ Không tuân thủ EUDR	☐ Tuân thủ EUDR; ☐ Không tuân thủ EUDR	☐ Tuân thủ EUDR; ☐ Không tuân thủ EUDR	☐ Tuân thủ EUDR; ☐ Không tuân thủ EUDR

Hướng dẫn ghi Biểu đánh giá:

- Ghi tổng số lô hiện Hộ/DN đang quản lý và đang cho thu hoạch mù, và ghi số thứ tự và đặt mã lô cho từng lô. Nên dùng mã lô này trong các Mẫu biểu thu thập thông tin sau này để đảm bảo tính kết nối về thông tin, hỗ trợ truy xuất nguồn gốc và xây dựng cơ sở dữ liệu.
- Câu 1: Nếu có Giấy tờ về quyền sử dụng đất thì tích vào ô tương ứng, hoặc điền tên cụ thể của Giấy tờ mà Hộ/DN có với trường hợp giấy tờ đó chưa được liệt kê sẵn trong lựa chọn trả lời. Nếu không có bất kỳ giấy tờ nào thì tích vào ô “Không”.
- Các câu từ Câu 2 đến Câu 12: Tích vào ô tương ứng “Có” hoặc “Không”.
- Một lô cao su được đánh giá là “Tuân thủ EUDR” phải có tất cả các câu trả lời được tích là “Có”. Bất kỳ câu trả lời nào trong 12 câu hỏi trên được tích là “Không”, thì lô cao su đó phải được đánh giá là “Không tuân thủ EUDR.” Mủ khai thác trên những lô cao su không tuân thủ EUDR phải được loại khỏi nguồn cung để sản xuất sản phẩm xuất khẩu vào EU.

Mẫu biểu 03: Phiếu cung cấp thông tin định danh

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN ĐỊNH DANH
(Dành cho tất cả các chủ thể trong chuỗi cung ứng)

1. Tên Hộ/DN:	2. Mã Hộ/DN:
3. Loại chủ thể trong chuỗi cung ứng (tích vào những ô tương ứng): ☐ Là chủ lô cao su tiểu điền ☐ Là chủ lô cao su đại điền ☐ Là đại lý thu mua mủ cao su ☐ Là DN nhập khẩu mủ cao su nguyên liệu vào Việt Nam ☐ Là DN nhập khẩu sản phẩm sơ chế vào Việt Nam ☐ Là DN nhập khẩu sản phẩm hoàn chỉnh vào Việt Nam ☐ Là DN chế biến sản phẩm sơ chế ☐ Là DN chế biến sản phẩm hoàn chỉnh ☐ Là DN xuất khẩu các sản phẩm cao su (sản phẩm sơ chế và sản phẩm hoàn chỉnh)	
4. Số CC (của chủ Hộ)/ Số ĐKKD (của DN): Ngày cấp: Nơi cấp:	
5. Tên người đại diện pháp luật (của DN): Chức danh:	
6. Địa chỉ của Hộ/DN:ĐT: Email:	
Tôi,, đồng ý cung cấp thông tin trên cho các bên liên quan với mục đích đáp ứng yêu cầu để đảm bảo tuân thủ EUDR.	

....., ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN NÔNG HỘ/DN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (với DN))

PHIẾU THÔNG TIN LÔ CAO SU TUÂN THỦ EUDR			
VỀ CHỦ LÔ, SẢN XUẤT VÀ TỌA ĐỘ ĐỊA LÝ			
A. THÔNG TIN VỀ CHỦ SỬ DỤNG LÔ CAO SU			
1. Tên chủ sử dụng lô cao su (Hộ/DN): 2. Mã hộ/DN:			
B. THÔNG TIN VỀ LÔ CAO SU			
3. Lô (mô tả): 4. Mã lô:			
5. Địa chỉ của lô:			
6. Loại giấy tờ xác nhận QSDĐ hợp pháp: Số hiệu của giấy tờ:			
Loại đất (ghi trên giấy tờ): ☐ Lâm nghiệp, diện tích: ha;			
☐ Nông nghiệp, diện tích: ha;			
☐ Khác, diện tích: ha			
Số lô/khoảnh (nếu có):; Số tờ bản đồ (nếu có):			
Ngày cấp/ban hành:			
7. Diện tích trồng cao su: ha 8. Số cây cao su:			
9. Sản lượng mủ dự kiến khai thác theo năm:			
10. Thông tin các điểm tọa độ địa lý của lô cao su:			
Điểm tọa độ	Tọa độ		Ghi chú điểm tọa độ (nếu cần thiết)
	Vĩ độ	Kinh độ	
1			
2			
3			
4			
5			
.....			
....., ngày ... tháng năm ĐẠI DIỆN CHỦ LÔ CAO SU (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (với DN))			

Mẫu biểu 05: Phiếu thông tin khai thác mủ của chủ lô cao su

[Tên chủ lô cao su]
[Mã chủ lô cao su]

PHIẾU THÔNG TIN KHAI THÁC MỦ TUÂN THỦ EUDR

(Dùng cho chủ lô cao su)

Người lập phiếu:

Ngày khai thác	Mã lô cao su	Mủ nước		Mủ đông		Mủ phụ		Ghi chú	Chữ ký người ghi chép
		Độ mủ (TSC)	Lượng (kg)	Hàm lượng (DRC)	Lượng (kg)	Hàm lượng (DRC)	Lượng (kg)		

NGƯỜI PHỤ TRÁCH LẬP PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu biểu 06: Phiếu thông tin giao dịch mua bán mủ cao su nguyên liệu trong nước**PHIẾU THÔNG TIN GIAO DỊCH MỦ TUÂN THỦ EUDR**

(Dành cho giao dịch giữa bên bán là chủ lô cao su và/hoặc đại lý thu mua mủ cao su với bên mua là đại lý khác và/hoặc doanh nghiệp chế biến)

Ngày giao dịch:/...../.....

I. THÔNG TIN BÊN BÁN

1. Tên chủ lô cao su (hoặc đại lý thu mua mủ cao su):

2. Mã chủ lô (hoặc mã của đại lý thu mua mủ cao su):

II. THÔNG TIN BÊN MUA

3. Tên bên mua: 4. Mã bên mua:

III. THÔNG TIN VỀ LƯỢNG MỦ GIAO DỊCH:

MỦ NƯỚC		MỦ ĐÔNG		MỦ PHỤ		Ghi chú
Độ mủ (TSC)	Lượng (kg)	Hàm lượng (DRC)	Lượng (kg)	Hàm lượng (DRC)	Lượng (kg)	
						Đính kèm: - Mẫu biểu 03, 04, 05 do chủ lô/đại lý (bên bán) lập; - Mẫu biểu 08 do đại lý là bên cung đầu vào cho bên bán lập và cung cấp; - Mẫu biểu 08 do đại lý thu mua mủ cao su là bên bán lập.

Tổng trọng lượng mủ: kg

Xác nhận của bên bán

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là DN))

Xác nhận của bên mua

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là DN))

Mẫu biểu 07: Phiếu đánh giá nhà cung cấp về khả năng tuân thủ EUDR**[Tên chủ thể thực hiện
đánh giá]****PHIẾU ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG TUÂN THỦ EUDR
ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP****Mã phiếu đánh giá:**

(Dùng chung để đánh giá các nhà cung cấp là chủ lô cao su trong nước; đại lý thu mua mủ cao su; doanh nghiệp nhập khẩu các mặt hàng cao su vào Việt Nam; doanh nghiệp chế biến để xuất khẩu vào EU)

Chủ thể đánh giá bao gồm:

- Đại lý thu mua mủ cao su đánh giá thông tin, bằng chứng được cung cấp bởi chủ lô cao su trong nước và đại lý khác đang bán trực tiếp mủ cao su cho mình;
- Doanh nghiệp nhập khẩu vào Việt Nam đánh giá thông tin, bằng chứng được cung cấp bởi bên bán trực tiếp các mặt hàng cao su cho mình để nhập khẩu vào Việt Nam;
- Doanh nghiệp chế biến đánh giá thông tin, bằng chứng được cung cấp bởi chủ lô cao su trong nước, đại lý thu mua mủ cao su, DN nhập khẩu, DN chế biến khác bán trực tiếp mặt hàng cao su đầu vào cho mình;
- Doanh nghiệp xuất khẩu đánh giá thông tin, bằng chứng được cung cấp bởi DN nhập khẩu, DN chế biến bán trực tiếp sản phẩm cao su cho mình để xuất khẩu vào EU.

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

1. Tên nhà cung cấp:
2. Mã số nhà cung cấp:
3. Loại nhà cung cấp:
☐ Chủ lô cao su; ☐ Đại lý thu mua mủ cao su; ☐ DN nhập khẩu; ☐ DN chế biến
4. Mặt hàng nhà cung cấp cung cấp:
☐ Mủ cao su; ☐ Sản phẩm sơ chế; ☐ Sản phẩm hoàn chỉnh
5. Mã lô hàng:

II. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

6. Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp với (các) lô cao su nơi khai thác mủ:
☐ Có ☐ Không
7. Tọa độ địa lý của các lô cao su nơi khai thác mủ: ☐ Có ☐ Không
8. Thông tin đầy đủ về định danh của nhà cung cấp: ☐ Có ☐ Không
9. Thông tin, bằng chứng đầy đủ về hoạt động khai thác mủ: ☐ Có ☐ Không
10. Bộ hồ sơ đầy đủ đối với nguồn cung đầu vào của nhà cung cấp là nguồn trong nước:
☐ Có ☐ Không
11. Bộ hồ sơ đầy đủ đối với nguồn cung đầu vào của nhà cung cấp là nguồn nhập khẩu:
☐ Có ☐ Không
12. Có sẵn các biện pháp nhằm đảm bảo sản phẩm không bị trộn lẫn với nguồn không rõ nguồn gốc (tách vật lý), truy xuất được đến từng lô cao su: ☐ Có ☐ Không
13. Sẵn sàng cung cấp thông tin, giải trình bổ sung liên quan đến sản phẩm khi có yêu cầu:
☐ Có ☐ Không

III. ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ EUDR:☐ Tuân thủ EUDR☐ Không tuân thủ EUDR*Ghi chú:**Ngày đánh giá:*//

Người đánh giá
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng bộ phận đánh giá
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chủ thể đánh giá
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 08: Danh sách các nhà cung cấp và lượng mặt hàng thu mua

[Tên chủ thể lập phiếu]

**DANH SÁCH TỔNG HỢP CÁC NHÀ CUNG CẤP VÀ KHỐI LƯỢNG THU MUA
MẶT HÀNG CAO SU TUÂN THỦ EUDR***(Dùng chung cho đại lý thu mua mủ cao su; doanh nghiệp nhập khẩu; doanh nghiệp chế biến; doanh nghiệp xuất khẩu)*

Tên nhà cung cấp	Mã nhà cung cấp	Loại chủ thể của nhà cung cấp	Loại mặt hàng thu mua	Tên thương mại của mặt hàng thu mua	Mã HS của mặt hàng thu mua	Khối lượng thu mua	Ghi chú
		☐ Hộ tiểu điền ☐ DN đại điền ☐ Đại lý thu mua mủ cao su ☐ DN nhập khẩu ☐ DN chế biến	☐ Mủ cao su nguyên liệu ☐ Sản phẩm sơ chế ☐ Sản phẩm hoàn chỉnh				Đính kèm Mẫu biểu 03, 04, 05 và 08 (này) do các nhà cung cấp chuyển cho chủ thể lập phiếu
Tổng							

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHỦ THỂ LẬP PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 09: Cam kết đảm bảo tuân thủ các quy định của EUDR của nguồn nhập khẩu**GIẤY CAM KẾT TUÂN THỦ EUDR**

(Dành cho doanh nghiệp nhập khẩu Việt Nam yêu cầu doanh nghiệp nước ngoài cung ứng các mặt hàng cao su cho mình cung cấp Giấy cam kết này)

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CUNG ỨNG CÁC MẶT HÀNG CAO SU NHẬP KHẨU

1. Tên doanh nghiệp: 2. Mã doanh nghiệp:
 3. Số đăng ký kinh doanh: 4. Địa chỉ (bao gồm tên quốc gia):
 5. Tên người đại diện pháp luật: 6. Chức danh:
 7. Số điện thoại: 8. Email:

II. NỘI DUNG CAM KẾT

Tôi, là người đại diện pháp luật của doanh nghiệp có tên trong Phần I, cam kết rằng các lô hàng hoá chúng tôi cung cấp cho khách hàng, được liệt kê dưới đây, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của EUDR về không gây mất rừng và hợp pháp theo pháp luật của quốc gia sản xuất.

Thông tin về các lô hàng:

Mã lô hàng	Loại mặt hàng và mã HS	Số lượng/trọng lượng mặt hàng giao dịch	Ngày giao dịch	Tên, mã khách hàng (bên mua)	Địa chỉ khách hàng (bên mua)	Ghi chú

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CUNG ỨNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu biểu 10: Phiếu thông tin giao dịch mua bán mặt hàng cao su

PHIẾU THÔNG TIN GIAO DỊCH MẶT HÀNG CAO SU TUÂN THỦ EUDR
(Dành cho giao dịch của bên bán là nhà nhập khẩu vào Việt Nam và/hoặc doanh nghiệp chế biến)

Ngày giao dịch:/...../.....

I. THÔNG TIN BÊN BÁN

1. Tên doanh nghiệp: 2. Mã doanh nghiệp:

II. THÔNG TIN BÊN MUA

3. Tên doanh nghiệp: 4. Mã doanh nghiệp:

III. THÔNG TIN HÀNG HÓA GIAO DỊCH

Tên thương mại	Mã HS	Loại mặt	Đơn vị tính (chiếc, kg,...)	Số lượng	Tổng khối lượng	Ghi chú
		☐ Mủ cao su nguyên liệu ☐ Sản phẩm sơ chế ☐ Sản phẩm hoàn chỉnh				Đính kèm Mẫu biểu 08 do bên bán lập
Tổng						

Xác nhận của đại diện bên bán
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Xác nhận của đại diện bên mua
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Danh sách các mặt hàng cao su chịu sự điều chỉnh bởi EUDR (cập nhật ngày 13/7/2026): https://environment.ec.europa.eu/document/download/89f263a0-3639-4a7e-8994-f6a3fdc029fa_en?filename=C_2026_4920_1_ANNEX_EN_V4_P1_4821550%20%28DRAFT%20-%20FINAL%20DOC%20SOON%29.pdf và https://environment.ec.europa.eu/publications/delegated-act-product-scope-eu-deforestation-regulation_en
- Câu hỏi thường gặp về EUDR (bản ngày 04/5/2026): https://environment.ec.europa.eu/publications/faq-eudr-implementation_en
- Quy định EUDR (bản dịch tiếng Việt): https://mkresourcesgovernance.org/wp-content/uploads/2025/10/20250926_Ban-dich_Huong-dan-thuc-hien-EUDR-ver-12.8.2025.pdf
- Forest Trends và Hiệp hội Cao su (2025) Hướng dẫn nông hộ trồng cao su tiêu diện đáp ứng EUDR: https://mkresourcesgovernance.org/wp-content/uploads/2025/09/20250912_Huong-dan-thu-thap-thong-tin-cao-su-EUDR.pdf
- Nhóm kỹ thuật của EU. Mô tả định dạng file Geojson theo EUDR. Version 1.4, ngày 08/11/2024.
- Quy định (EU) 2023/1115 (EUDR): <https://eur-lex.europa.eu/legalcontent/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32023R1115&qid=1687867231461>
- Quyết định số 2855/QĐ-BNN-KHCN ngày 17/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố việc xác định cây cao su là cây đa mục đích.
- Quyết định số 29/QĐ-LNKL ngày 7/2/2026 của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm về việc ban hành Hướng dẫn tuân thủ Quy định về quản lý việc nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) cho ngành hàng gỗ và sản phẩm gỗ.
- Tài liệu hướng dẫn thực hiện Quy định của Liên minh châu Âu 2023/1115 về sản phẩm không gây mất rừng. Bản dịch tiếng Việt: https://www.eeas.europa.eu/sites/default/files/documents/2024/VN_Guidance%20on%20EU%20Deforestation%20Regulation.pdf
- Văn phòng Chứng chỉ Quản lý rừng bền vững (2025). Hướng dẫn thực hiện sản xuất hàng hóa không gây mất rừng. Áp dụng cho DN vừa và nhỏ.